|  |
| --- |
| **PHỤ LỤC****DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** |
| *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)* |
|  |  |  |  |  |
| **STT** | **Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước** | **Phương thức thực hiện** | **Căn cứ pháp lý** | **Ghi chú** |
| **I** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật** |  |  |   |
| 1 | Điều tra, thống kê lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật | Đấu thầu/Giao nhiệm vụ | - Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;- Khoản 1, Điều 16; Khoản 1, Điều 22 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11; - Điều 1- Thông tư 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của BNNPTNT ban hành một số QCVN. | Sửa đổi, bổ sung Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt | Giao nhiệm vụ | - Điều 20 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 |
| 3 | Thử nghiệm, tuyển chọn, phục tráng, sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng để cung ứng cho các cơ sở sản xuất ở địa phương trong và ngoài tỉnh.  | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng;  - Điểm c, Khoản 1 mục III -Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021; - Quyết định số: 1468/2001/QĐ-UB ngày 20/6/2001 của UBND tỉnh Quảng Trị; - Quyết định số: 372/QĐ-SNN ngày 20/9/ 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị |
| 4 | Chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất. | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Quyết định số: 1468/2001/QĐ-UB ngày 20/6/2001 của UBND tỉnh Quảng Trị; - Quyết định số: 372/QĐ-SNN ngày 20/9/ 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị |
| 5 | Đánh giá, thống kê dịch bệnh, sâu bệnh ảnh hưởng đến sản xuất | Giao nhiệm vụ | - Điểm c, Khoản 1, Điều 8; Khoản 7, Điều 16 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11; - Điều 1-Thông tư 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của BNNPTNT ban hành một số QCVN |
| 6 | Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu | Đặt hàng | - Điều 27 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 |
| 7 | Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam | Đặt hàng | - Khoản 2, Điều 4; Khoản 2, Điều 9; Khoản 2, Điều 10; Khoản 2, Điều 11 Thông tư 35/2015/BNNPTNT ngày 14/10/2015 quy định về kiểm dịch thực vật nội địa |
| 8 | Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 20; Khoản 2, Khoản 3 Điều 43; Khoản 2, Khoản 3, Điều 48 - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc BVTV | Giữ nguyên theo QĐ139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019  |
| 9 | Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất | Giao nhiệm vụ | - Khoản 1, Điều 16; Khoản 1, Điều 22- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11; - Điều 1 Thông tư 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của BNNPTNT ban hành một số QCVN |
| **II** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực chăn nuôi** |  |  |   |
| 1 | Điều tra, thống kê lĩnh vực chăn nuôi | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | Tích hợp mục 1 và mục 4 *(theo Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2021)* | Giữ nguyên theo Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi. | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng |   |
| 3 | Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi. | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng |   |
| **III** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thú y** |  |  |   |
| 1 | Điều tra, thống kê lĩnh vực thú y | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng |   | Giữ nguyên theo QĐ 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng |   |
| 3 | Đánh giá an toàn dịch bệnh | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng |   |
| 4 | Cải tạo và phát triển giống đàn bò theo hướng chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016; - Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị | Bổ sung  Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| **IV** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp** |  |  |   |
| 1 | Bảo vệ rừng và phát triển rừng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Chương IV, V, Luật Lâm nghiệp 2017;- Khoản 1, Điều 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ | Giữ nguyên theo Quyết định 139 /QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Bảo vệ và cứu hộ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Chương VI, Luật Lâm nghiệp 2017;- Khoản 2, Điều 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ | Sửa đổi, bổ sung Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 3 | Điều tra, khảo sát thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; xây dựng các chương trình, đề án, phương án, dự án về lâm nghiệp | Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu | - Điều 33, Luật Lâm nghiệp; - Khoản 1, khoản 7, Điều 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ |
| 4 | Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, xây dựng bản đồ về lâm nghiệp, cơ sở dữ liệu rừng. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 34, 35, 36, Luật Lâm nghiệp; - Điều 9, 17, 22, 61, 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; |
| 5 | Phát triển giống cây trồng lâm nghiệp, bảo tồn nguồn gen quý hiếm ở địa phương | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 44, Luật Lâm nghiệp; - Khoản 3, Khoản 10, Điều 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018; - Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021. |
| 6 | Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 94, Điều 96, Luật lâm nghiệp; - Khoản 3, Điều 87, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 |
| **V** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy sản** |  |  |   |
| 1 | Điều tra thuộc lĩnh vực thủy sản | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |   | Giữ nguyên theo Quyết địnnh 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |   |
| 3 | Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điểm a, Khoản 4, Điều 12, Luật Thủy sản; - Điều 5, Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Điều 1, Thông tư số 01/2022/TT-BNPTNT. | Sửa đổi, bổ sung thêm ngoài QĐ139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 4 | Thả bổ sung giống thủy sản vào vùng nước tự nhiên | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Khoản 1, Khoản 3, Điều 14, Luật Thủy sản |
| 5 | Quan trắc môi trường, cảnh báo dịch bệnh vùng nuôi tôm nước lợ | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Khoản 7, Điều 2, Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016; - Quyết định 945/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị; - Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 18/1/2019; - Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 04/2/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị  |
| 6 | Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão | Đấu thầu/đặt hàng |  - Điểm L, Khoản 2, Điều 81 Luật Thủy sản, Khoản 3, Điều 85, Luật Thủy sản. |
| 7 | Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tổng thể trong Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ theo định kỳ 05 năm/lần | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 31/12/2020;- Quyết định Phê duyệt kế hoạch quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 |
| 8 | Khảo sát, điều tra đa dạng sinh học vùng rạn đá ngầm kéo dài từ xã Vĩnh Thái đến xã Kim Thạch | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 ;- Quyết định Phê duyệt kế hoạch quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 |
| 9 | Nuôi giữ giống gốc thủy sản | Đấu thầu/Đặt hàng  | - Phần III, điều 1, Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển, nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; Nghị định 32/2019/NĐ-CP |
| 10 | Khảo nghiệm, kiểm định giống thủy sản | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Điều 28, 29, Luật thủy sản 2017; Nghị đình 32/2019/NĐ-CP |
| 11 | Thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống thủy sản. | Giao nhiệm vụ/ đặt hàng | - Mục 2, phần III, Điều 1 Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển, nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; - Điều 4, Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ |
| **VI** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng** |  |  |   |
| 1 |  Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm thủy sản |   |   | Giữ nguyên theo QĐ 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| **VII** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi** |  |  |   |
| 1 | Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn và các ngành kinh tế khác | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 | Sửa đổi, bổ sung thêm theo QĐ139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Đánh giá, dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng nguồn nước phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn và các ngành kinh tế khác trên các lưu vực sông | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 |
| 3 | Điều tra, thống kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai | Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 4 | Xây dựng bản đồ, phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; -- Luật Đê điều số 79/2006/QH11; - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 5 | Điều tra, đánh giá, xây dựng kế hoạch, phương án phục vụ công tác quản lý, định hướng phát triển thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;- Luật Đê điều số 79/2006/QH11; - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 6 | Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;- Luật Đê điều số 79/2006/QH11; - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 7 | Thu thập số liệu, phân tích, đánh giá để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai và chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai | Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; -- Luật Đê điều số 79/2006/QH11; - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 8 | Tập huấn, đào tạo, truyền thông trong công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp và cộng đồng  | Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| 9 | Triển khai các nội dung, hoạt động liên quan đảm bảo tuân thủ quy định trong công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước | Giao nhiệm vụ/Đặt hàng/Đấu thầu | - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; - Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của- Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều |
| **VIII** | **Hoạt động sự nghiệp khác** |  |  |   |
| 1 | Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 6, Điều 7 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 4, Điều 5 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016;- Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị | Giữ nguyên theo Quyết định 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 2 | Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016 |
| 3 | Điều tra các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |   |
| 4 | Thông tin, tuyên truyền, tập huấn chuyển giao những tiến bộ KHKT mới (Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản), chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ KHKT về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và PTNT. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 6, Điều 7 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 4, Điều 5 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016,- Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị | Bổ sung thêm ngoài QĐ 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 |
| 5 | Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội trợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 7 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 5 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 5 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016; - Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị |
| 6 | Xây dựng, biên soạn tài liệu, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ khuyến nông, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho cán bộ kỹ thuật, nhân viên khuyến nông cơ sở và nông dân. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; Điều 4 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 4 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020;- Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016; - Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị |
| 7 | Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020;- Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016 |
| 8 | Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 8 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 6 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 6 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016; - Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị |
| 9 | Hợp tác quốc tế về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 8 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 8 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016 |
| 10 | Tư vấn dịch vụ khuyến nông.  | Giao nhiệm vụ/đặt hàng | - Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; - Điều 7 Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019; - Điều 7 Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/7/2020; - Quyết đinh số 326/QĐ-SNN ngày 01/7/2016 |